



VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

BẢN TIN TUẦN

Bản tin kỳ 13 đợt đo ngày 15/5/2022
dự báo đến ngày 22/5/2022

Nhiệm vụ:

**Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ
thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên,
phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 05-2022

Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269
Website: www.icoe.org.vn

ISO 9001:2015

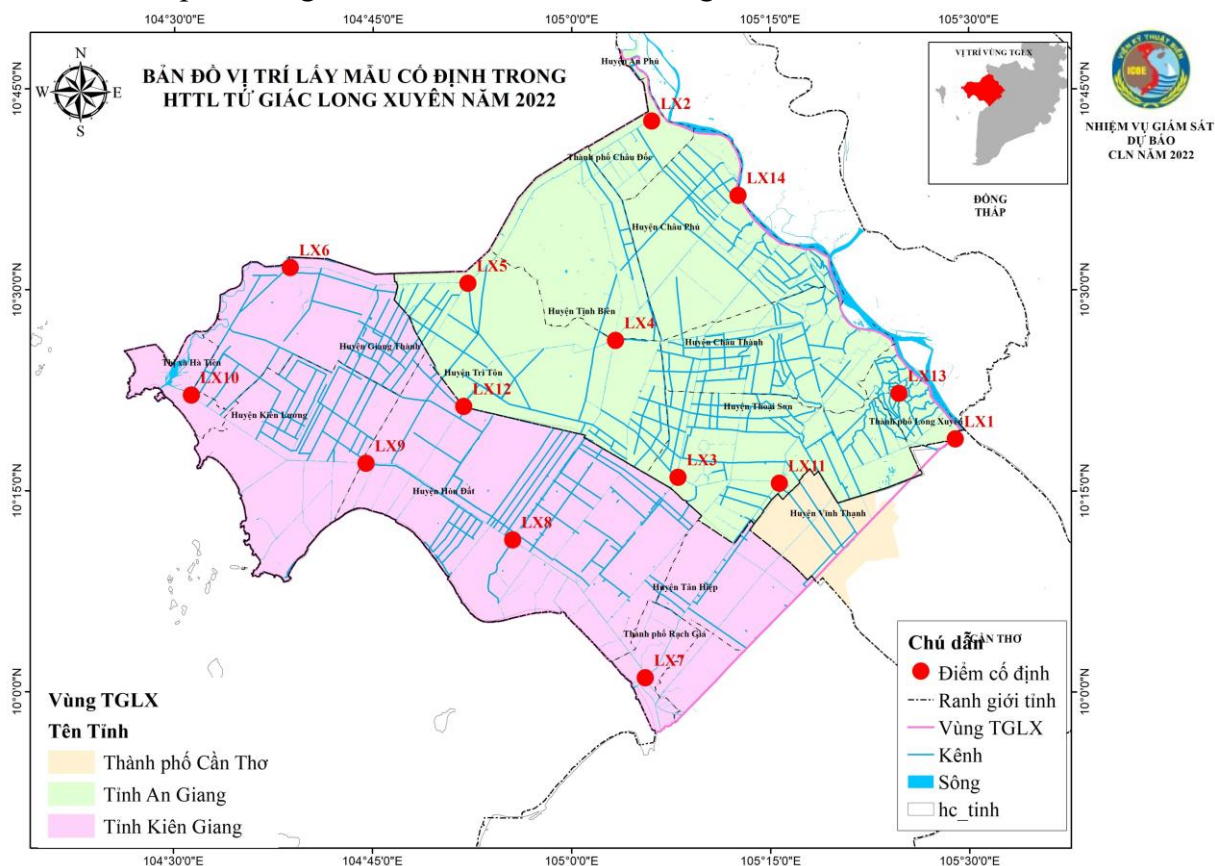
BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 13 đợt đo ngày 15/05/2022 dự báo đến ngày 22/05/2022”

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 15 tháng 05 năm 2022

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước được đặt tại các điểm gần cống phía nội đồng hoặc các điểm giao thoa giữa các kênh nhằm đánh giá chính xác và dự báo mức độ ô nhiễm nguồn nước khi vận hành hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phù hợp với yêu cầu sản xuất thực tế của địa phương. Sơ đồ 14 vị trí quan trắc mẫu cố định phục vụ giám sát và dự báo chất lượng nước như hình dưới và Phụ lục 1.



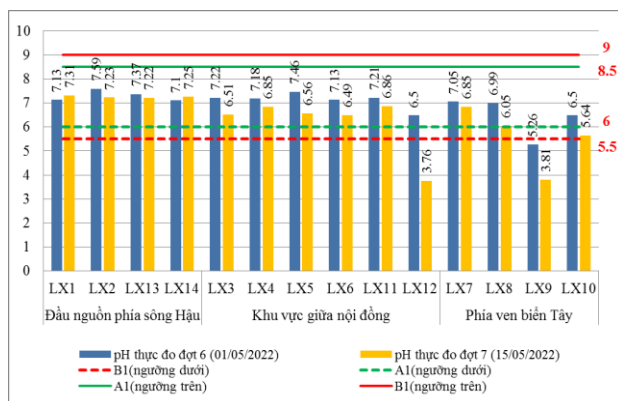
Hình 1. Bản đồ vị trí các điểm giám sát CLN cố định trong HTTL TGLX năm 2022

2. Thông tin lúc lấy mẫu: Thông tin chi tiết khi lấy mẫu hiện trường được thể hiện trong Phụ lục 1.

3. Kết quả đo đạc các thông số môi trường

Kết quả đo đạc các thông số môi trường được so sánh với QCVN 08-MT:2015/BNTMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt cột A1, B1; nhằm đánh giá chất lượng của nguồn nước mặt, từ đó làm căn cứ đưa ra khuyến cáo cho người dân trong vùng TGLX sử dụng nước một cách phù hợp.

3.1 Độ pH

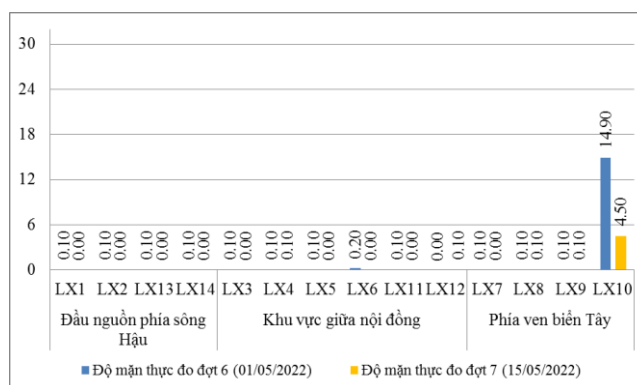


Hình 2. Biểu đồ pH của vùng TGLX

Giá trị pH dao động từ $3,76 \div 7,31$, phần lớn các vị trí quan trắc đều đạt quy chuẩn cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT; riêng điểm LX9 và LX12 có pH giảm xuống rất thấp (lần lượt là 3,81 và 3,76) thấp hơn ngưỡng cho phép cột B1. Lý do có thể là do thời gian vừa qua trời mưa đầu mùa nhiều đã làm cho phèn tại 2 vị trí này tăng cao dẫn đến pH trong nước bị giảm mạnh.

Vì vậy, khuyến cáo bà con tại vị trí giao giữa kênh T5 và kênh Rạch Giá – Hà Tiên (điểm LX9 – thuộc khu vực xã Bình Giang, huyện Hòn Đất) và vị trí giao giữa kênh Tám Ngàn với kênh ranh An Giang – Kiên Giang (điểm LX12 – thuộc khu vực xã Bình Sơn, Hòn Đất) không nên bơm nguồn nước này vào ruộng lúa để tránh làm ảnh hưởng đến lúa mới xạ.

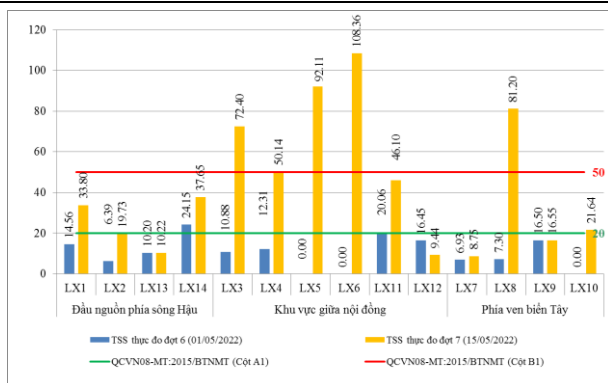
3.2 Độ mặn



Hình 3. Biểu đồ độ mặn của vùng TGLX

Độ mặn trong đợt quan trắc này tại các điểm thu mẫu đều ở mức nước ngọt từ 0,00 – 0,10‰; đây là độ mặn phù hợp cho mục đích trồng lúa của người dân. Riêng vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) là nước mặn với độ mặn 4,5‰. So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, độ mặn tại vị trí LX10 đã giảm mạnh (từ 14,9‰ xuống 4,5‰) nguyên nhân có thể là do thời tiết trong thời gian 1 tuần trước đây đã có mưa lớn nhiều kết hợp với việc cống Hà Giang đã mở để xả ngọt đẩy mặn làm cho độ mặn tại vị trí này giảm xuống thấp, xuống dưới cả mức để nuôi tôm nước lợ theo dự thảo lần 4 TCVN về nước nuôi trồng thủy sản là từ 7 - 25‰. Vì vậy bà con nuôi tôm tại khu vực này cần lưu ý kiểm tra độ mặn trước khi bơm vào ao nuôi để tránh việc lấy nước có độ mặn thấp ảnh hưởng tới con tôm.

3.3 Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)



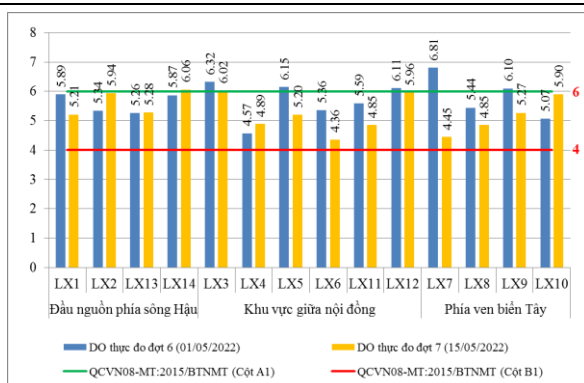
Hình 4. Biểu đồ TSS của vùng TGLX

Hàm lượng TSS tại các vị trí quan trắc dao động từ 8,75 – 108,36 mg/l. TSS trong đợt quan trắc này ghi nhận được ở mức cao, có 9/14 vị trí có hàm lượng TSS vượt giới hạn cho phép cột A1, một số điểm vượt cả giới hạn cho phép của cột B1.

So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, hàm lượng TSS có xu hướng tăng tại hầu hết (13/14) các vị trí quan trắc.

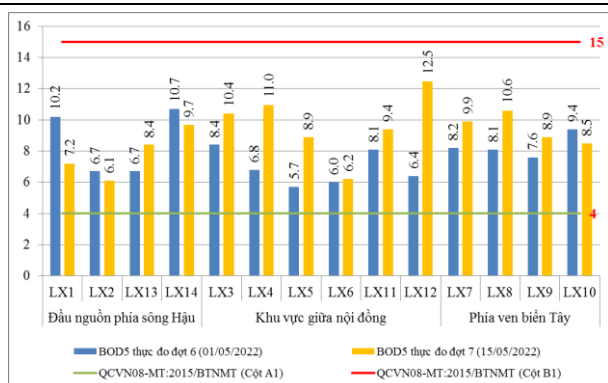
TSS trong đợt quan trắc này tăng cao, tuy nhiên, phần lớn các vị trí quan trắc sử dụng nguồn nước này để bơm tưới cho cây trồng nên TSS cao vẫn ít ảnh hưởng. Riêng vị trí LX10 là khu vực nuôi thủy sản, ghi nhận được TSS tăng vượt giới hạn cho phép của cột A1 nên bà con cần lưu ý khi bơm nước vào ruộng tôm. Bà con có thể bơm nguồn nước này vào ao lắng cho lắng bớt vật chất lơ lửng rồi có thể dùng cho nuôi tôm.

3.4 Ô nhiễm hữu cơ (DO, BOD₅, COD)



Hình 5. Biểu đồ DO của vùng TGLX

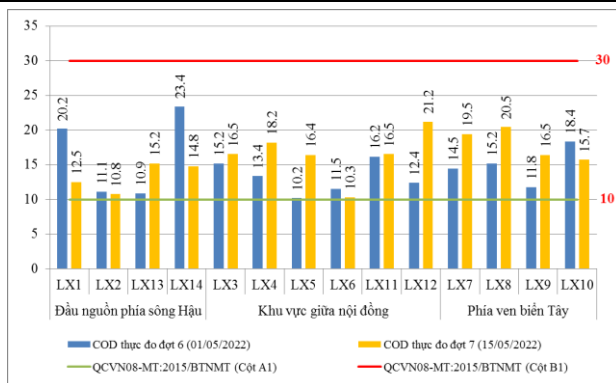
Giá trị DO tại các vị trí quan trắc dao động từ 4,36 – 6,06 mg/l. Tất cả các vị trí quan trắc đều có giá trị DO nằm trong giới hạn của cột B1. Nhìn chung, hàm lượng DO khu vực TGLX ở mức tốt, thuận lợi cho việc tưới tiêu phục vụ trồng trọt. Vị trí LX10 có hàm lượng DO đảm bảo cho việc nuôi tôm của người dân.



Hình 6. Biểu đồ BOD₅ của vùng TGLX

Hàm lượng BOD₅ tại các vị trí quan trắc dao động từ 6,1 – 12,5 mg/l. Hầu hết các vị trí đều có giá trị BOD₅ nằm trong ngưỡng cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, giá trị BOD₅ tăng lên tại 10/14 vị trí quan trắc.



Hình 7. Biểu đồ COD của vùng TGLX

Giá trị COD tại các vị trí quan trắc dao động từ 10,3 – 21,2. Tất cả giá trị COD tại các điểm quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị này người dân có thể yên tâm lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

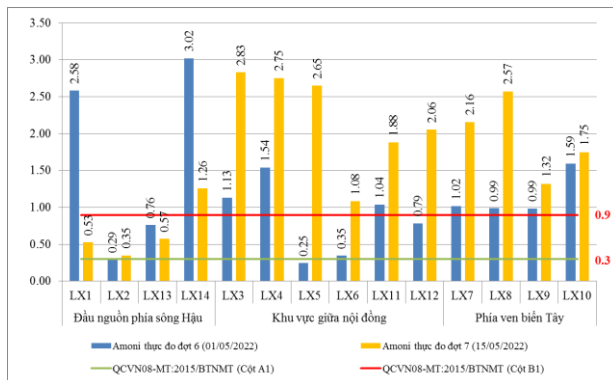
So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, giá trị COD tăng lên tại 9/14 vị trí quan trắc.

Đánh giá và khuyến cáo:

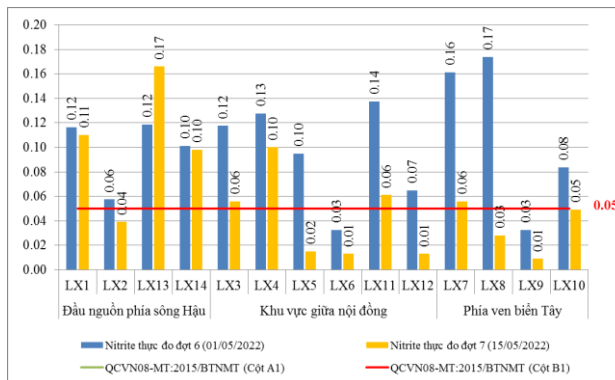
- Kết quả quan trắc 3 chỉ tiêu DO, BOD₅ và COD cho thấy hầu hết tại các vị trí quan trắc cố định trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên trong đợt thu mẫu này vẫn có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ. Hầu hết các vị trí quan trắc đều có chỉ tiêu BOD₅ và COD vượt ngưỡng cho phép của cột A1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT là nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt; nhưng lại nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 là nguồn nước đảm bảo phục vụ cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu. Vì vậy khuyến cáo người dân chỉ nên lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, không nên dùng cho mục đích sinh hoạt. Tại vị trí LX10 có hàm lượng DO cao vẫn đảm bảo tốt cho việc nuôi tôm của người dân.

- Trong đợt quan trắc này, hàm lượng DO, BOD₅ và COD tại hầu hết các vị trí quan trắc có xu hướng xấu đi so với đợt quan trắc ngày 01/05/2022.

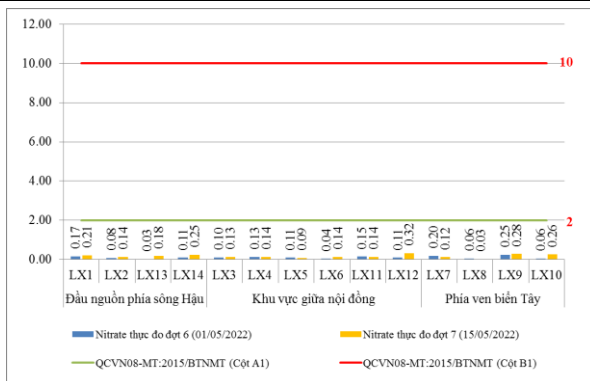
3.5 Ô nhiễm dinh dưỡng (NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻, PO₄³⁻)



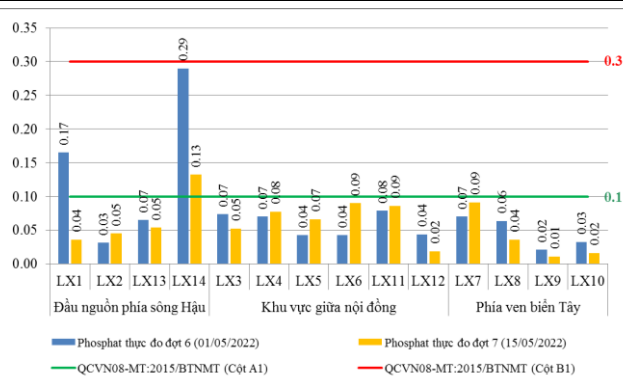
Hình 8. Biểu đồ NH₄⁺ của vùng TGLX



Hình 9. Biểu đồ NO₂⁻ của vùng TGLX



Hình 10. Biểu đồ NO_3^- của vùng TGLX



Hình 11. Biểu đồ PO_4^{3-} của vùng TGLX

- Hàm lượng Amoni (NH_4^+) tại các vị trí dao động từ 0,35 – 2,83 mg/l. Tất cả các vị trí đều có hàm lượng NH_4^+ vượt ngưỡng cho phép cột A1 và nhiều vị trí (11/14 vị trí) vượt giới hạn cho phép cột B1 theo QCVN08- MT:2015/BTNMT. So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, hàm lượng NH_4^+ có xu hướng tăng tại khu vực giữa nội đồng và ven biển Tây (11/14 vị trí) (hình 8).

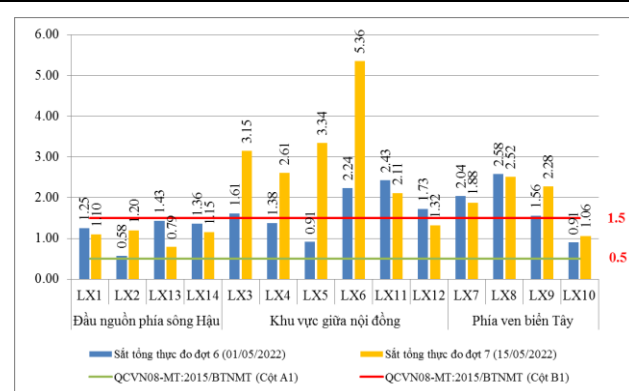
- Hàm lượng Nitrite (NO_2^-) trong đợt quan trắc này dao động từ 0,01 – 0,17 mg/l. Có 7/14 vị trí quan trắc có hàm lượng NO_2^- vượt ngưỡng cho phép của cột A1 và B1 theo QCVN08. So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, hàm lượng NO_2^- có xu hướng giảm tại phần lớn các vị trí (12/14 vị trí) (hình 9).

- Hàm lượng Nitrate (NO_3^-) tại các vị trí quan trắc dao động từ 0,03 – 0,32 mg/l. Tất cả các vị trí đều có hàm lượng Nitrate nằm trong ngưỡng cho phép cột A1 theo QCVN08- MT:2015/BTNMT (hình 10).

- Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) tại các vị trí quan trắc dao động từ 0,01 – 0,13 mg/l. Hầu hết các vị trí quan trắc đều có giá trị Phosphat nằm trong ngưỡng cho phép của cột A1 (hình 11).

➤ **Khuyến cáo:** Nhìn chung, hàm lượng của các muối dinh dưỡng tại phần lớn các vị trí quan trắc trong đợt quan trắc này có xu hướng giảm so với đợt quan trắc trước, riêng hàm lượng NH_4^+ có xu hướng tăng. Với hàm lượng các muối dinh dưỡng quan trắc được cho thấy vẫn có thể đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

3.6 Tổng Sắt

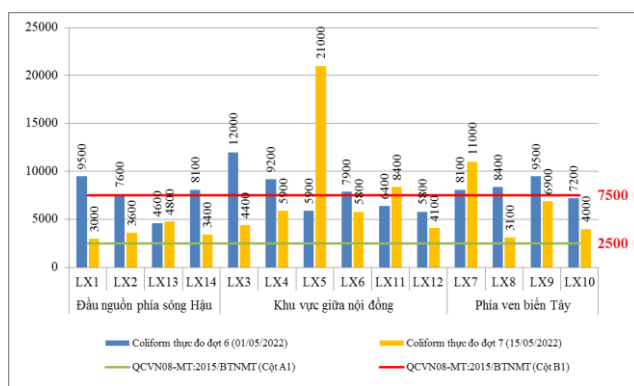


Hình 12. Biểu đồ Tổng Sắt của vùng TGLX

Hàm lượng tổng Sắt tại các vị trí dao động từ 0,79 – 5,36 mg/l. Tất cả các vị trí có hàm lượng tổng sắt vượt giới hạn cho phép cột A1 và một số vị trí vượt giới hạn cho phép cột B1.

So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, hàm lượng tổng Sắt trong đợt quan trắc này có xu hướng tăng cao ở khu vực giữa nội đồng (các vị trí LX3, LX4, LX5 và LX6).

3.7 Ô nhiễm vi sinh



Hình 13. Biểu đồ Coliform vùng TGLX

Giá trị Coliform trong đợt quan trắc này dao động từ 3000 – 21000 MPN/100ml; Coliform tại tất cả các vị trí đều vượt giới hạn của cột A1 và có 3/14 vị trí vượt giới hạn cột B1 theo QCVN08.

So với đợt quan trắc ngày 01/05/2022, giá trị Coliform có xu hướng giảm tại phần lớn các vị trí quan trắc (10/14 vị trí).

3.8 Các giá trị WQI của đợt đo

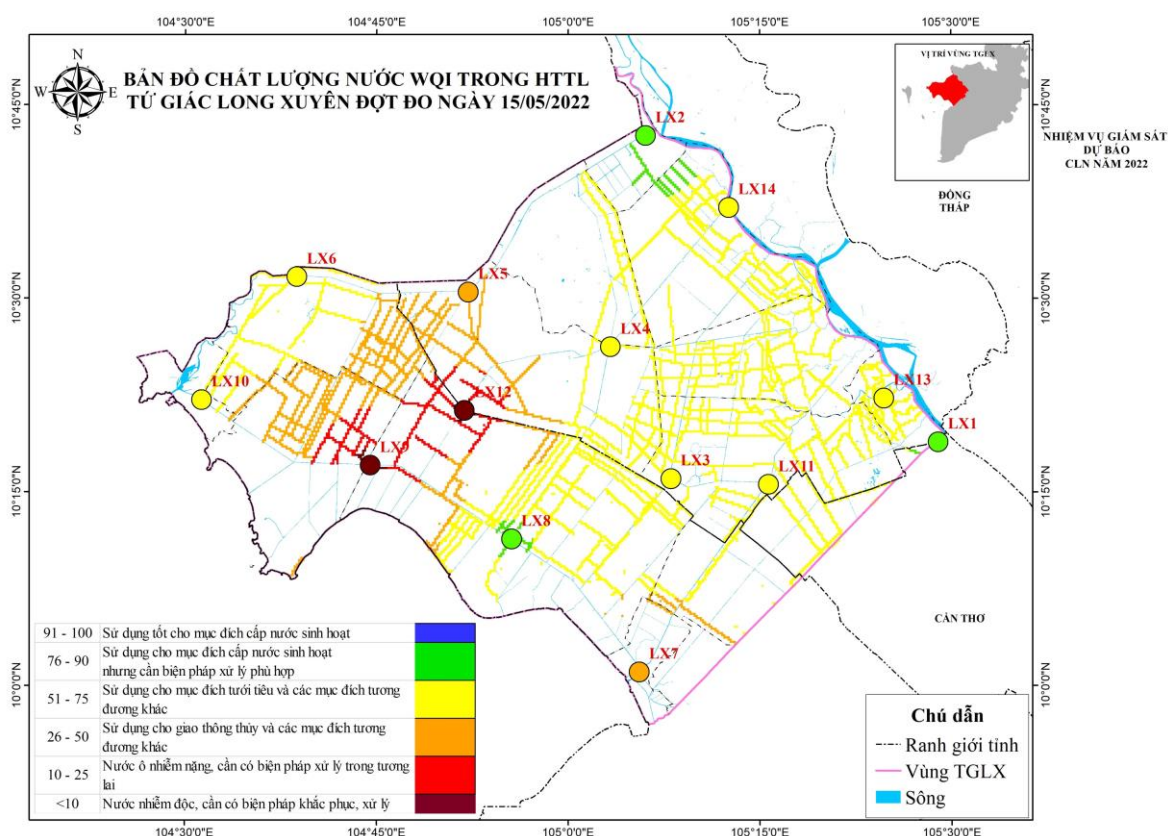
Giá trị WQI đã tính toán với 9 thông số: DO , BOD_5 , $N-NH_4$, NO_3 , NO_2 ; COD , $P-PO_4^{3-}$; pH và $Coliform$. Kết quả tính toán chất lượng nước tại 14 vị trí quan trắc cố định vùng TGLX vào đợt ngày 15/05/2022 có 3/14 vị trí ở mức “Tốt”, 7/14 vị trí ở mức “Trung bình”, 2/14 vị trí ở mức “Kém” và 2/14 vị trí ở mức “Ô nhiễm rất nặng”.

Bảng 1. Chất lượng nước theo WQI và sự phù hợp với mục đích sử dụng tại các vị trí quan trắc cố định trong HTTL Tứ Giác Long Xuyên vào đợt đo ngày 15/05/2022

Ký hiệu	Giá trị VN_WQI	Chất lượng nước	Phù hợp mục đích sử dụng	Thang màu
LX1	78	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp	78
LX2	89	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp	89
LX3	69	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	69
LX4	62	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	62
LX5	38	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	38
LX6	75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	75
LX7	33	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	33
LX8	79	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp	79
LX9	7	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	7
LX10	51	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	51
LX11	54	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	54
LX12	8	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	8
LX13	71	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	71

LX14	73	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	73
------	----	------------	---	----

Dựa vào phương pháp nội suy bản đồ trong phần mềm ArcGis với công cụ hỗ trợ là Spatial Analysis Tools – IDW cho chỉ số VN_WQI đã tính toán cho HTTL TGLX, kết quả cho thấy vào đợt thu mẫu ngày 15/05/2022 ở vùng Tứ Giác Long Xuyên chất lượng nước nhìn chung đang ở mức “Ô nhiễm rất nặng” đến “Tốt”. Trong đó phần lớn kênh rạch trong vùng có chất lượng nước biểu thị mức “Trung bình” (màu vàng - hình 14). Trong đợt quan trắc này vị trí LX9 tiếp tục ghi nhận chỉ số WQI ở mức thấp nhất là “Ô nhiễm rất nặng” đồng thời cũng ghi nhận thêm vị trí LX12 có chỉ số WQI cũng ở mức “Ô nhiễm rất nặng”; lý do là bởi tại hai vị trí này ghi nhận giá trị pH rất thấp đã làm ảnh hưởng đến giá trị WQI, nguyên nhân của việc pH tại khu vực này thấp là do khu vực này là nơi có phèn cao nhất trong vùng TGLX nên vào thời gian đầu mùa mưa này khi mưa xuống sẽ làm cho hiện tượng phèn gia tăng dẫn đến làm cho pH trong nước giảm thấp. Qua bản đồ về diễn biến chất lượng nước WQI (hình 14) cho thấy, khu vực dọc theo sông Hậu có chất lượng nước nhìn chung tốt hơn so với các vùng khác trong khu vực trong khi khu vực phía Tây vùng TGLX trong đợt quan trắc này có chất lượng môi trường nước kém hơn các khu vực khác.



Hình 14: Bản đồ chất lượng nước theo WQI trong HTTL TGLX đợt 7 ngày 15/05/2022 (nhằm ngày 15/04/2022 Âm lịch)

Kết luận: Qua chỉ số WQI vào đợt quan trắc ngày 15/05/2022 đã cho thấy: nhìn chung chất lượng nước tại phần lớn khu vực trong vùng TGLX vẫn có thể đảm bảo cho hoạt động tưới tiêu, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác. Riêng khu vực phía Tây vùng TGLX thuộc các huyện Tri Tôn (vị trí LX12) và khu vực giáp

ranh huyện Hòn Đất và huyện Kiên Lương (vị trí LX9) có chất lượng nước đang ở tình trạng xấu nên bà con tại đây nên tạm thời hạn chế sử dụng nguồn nước kênh, mà thay vào đó do đã có mưa nên có thể có phương án để sử dụng nguồn nước mưa thay thế.

II. Dự báo chất lượng nước đến ngày 22/05/2022

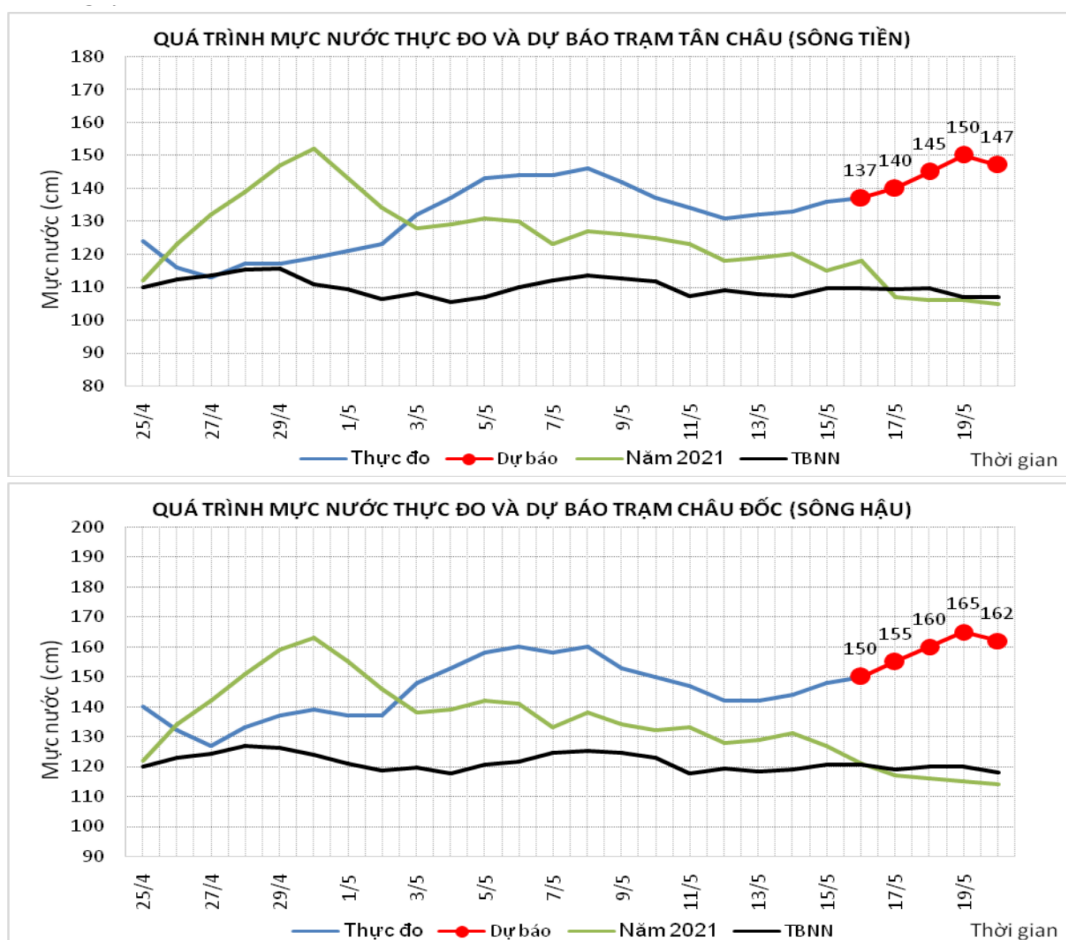
1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong vùng

Diễn biến thủy văn: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều. Mức nước cao nhất ngày 15/5 trên sông Tiền tại Tân Châu 1,36m; trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,48m.

Dự báo: Trong các ngày tới mức nước đầu nguồn sông Cửu Long sẽ lên theo triều. Đến ngày 20/5 mức nước cao nhất ngày tại Tân Châu ở mức 1,47m; tại Châu Đốc ở mức 1,62m (bảng 2 và hình 15) [1].

Bảng 2. Mức nước thực đo và dự báo trên sông Tiền và sông Hậu

Sông	Trạm	Mức nước cao nhất ngày (cm)						
		Thực đo	Dự báo					
			15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05
Sông Tiền	Tân Châu	136	137	140	145	150	147	
Sông Hậu	Châu Đốc	148	150	155	160	165	162	



Hình 15. Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tại trạm Tân Châu và Châu Đốc từ 25/4 - 20/05/2022

❖ **Tình hình sản xuất tỉnh An Giang:**

Vụ lúa Hè Thu 2022, toàn tỉnh dự kiến xuống giống 229.373ha. Với năng suất ước đạt 5,83 tấn/ha, sản lượng có thể gần 1,34 triệu tấn.

Căn cứ khung lịch thời vụ của Cục Trồng trọt cho khu vực ĐBSCL, tình hình khí tượng, thủy văn; thời gian xuống giống theo từng tiểu vùng của vụ trước; diễn biến rầy nâu trên đồng ruộng, rầy nâu vào bầy đèn trong và ngoài tỉnh, Sở NN&PTNT khuyến cáo khung lịch thời vụ xuống giống vụ hè thu 2022 trong toàn tỉnh An Giang bắt đầu từ ngày 15/3 đến 10/5 (nhằm ngày 13/2 đến 10/4 âm lịch).

* Đối với lịch xuống giống né khô hạn và chia sẻ nguồn nước, chia làm 3 đợt:

- Đợt 1 đã xuống giống từ ngày 15/3 - 31/3, diện tích khoảng 30.000ha, tập trung ở những vùng, tiểu vùng sản xuất 2 vụ tại các huyện Tri Tôn, Tịnh Biên và các tiểu vùng ngưng sản xuất vụ thu đông tại huyện Phú Tân, Châu Phú. Qua đó, giúp phân bổ nguồn nước giữa các vùng trong tỉnh, chia sẻ nguồn nước với các tỉnh dưới hạ nguồn và né hạn, mặn cuối vụ.

- Đợt 2 xuống giống từ ngày 1/4 - 30/4, xuống giống đại trà đối với vùng sản xuất lúa 3 vụ/năm, diện tích khoảng 160.000ha.

- Đợt 3 xuống giống từ ngày 1/5 - 10/5, xuống giống tại các tiểu vùng nằm trong kế hoạch xả lũ vụ thu đông 2022 và một số tiểu vùng xuống giống đông xuân 2021-2022 muộn, diện tích khoảng 39.000ha, rải rác tại các huyện: Tri Tôn, Chợ Mới, Châu Phú, An Phú, Tịnh Biên, TX. Tân Châu, TP. Châu Đốc.

* Đối với lịch xuống giống né rầy, trên cơ sở theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn, tình hình thu hoạch lúa đông xuân 2021-2022, lịch xuống giống đồng loạt, tập trung và né rầy chia làm 2 đợt:

- Đợt 1 xuống giống từ ngày 26/3 đến 6/4, xuống giống tập trung ở những vùng thu hoạch đông xuân sớm và đại trà với khoảng 60.000ha, tại các huyện Tri Tôn, An Phú, Tịnh Biên, Chợ Mới, Thoại Sơn và TP. Long Xuyên.

- Đợt 2 xuống giống tập trung từ ngày 18 - 27/4, xuống giống dứt điểm ở những vùng thu hoạch đông xuân đại trà và muộn, gồm các huyện: An Phú, Châu Phú, Phú Tân, Châu Thành, Chợ Mới, TX. Tân Châu và TP. Châu Đốc, diện tích 50.000ha.

Về cơ cấu giống: Qua theo dõi của Sở NN&PTNT, các giống lúa OM9582, Đài thơm 8, OM5451, OM7347, OM6976, OM18, Jasmine 85, OM9577, OM4900, OM38... được doanh nghiệp thu mua giá cao và theo chiều hướng tăng. Các huyện, thị xã, thành phố có biện pháp chỉ đạo và khuyến cáo nông dân sản xuất các giống này trong vụ hè thu 2022.

Bên cạnh đó, khuyến cáo nông dân sử dụng nhóm giống có triển vọng để có thể thay thế các giống lúa không còn phù hợp trong sản xuất tại địa phương, được đề xuất, gồm: Lộc Trời 7, Lộc Trời 18, Lộc Trời 28, OM448, OM418... Tuyệt đối không gieo trồng các giống lúa chưa được Bộ NN&PTNT công nhận. Riêng đối với nhóm giống lúa Japonica (ĐS1, Hana, Kinu...) và nếp, đề nghị nông dân chỉ sản xuất khi có hợp

đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, khi sản xuất phải phù hợp với quy định và gắn với quy hoạch của từng địa phương [2].

❖ **Tình hình sản xuất tỉnh Kiên Giang:**

Lịch gieo sạ vụ Hè Thu năm 2022: Căn cứ theo tiến độ thu hoạch lúa Đông Xuân 2021 – 2022 của tỉnh, điều kiện khí tượng thủy văn và dự báo rầy nâu di trú, Sở NN&PTNT hướng dẫn lịch gieo sạ vụ lúa Hè Thu năm 2022 như sau:

- Đợt 1 (gieo sạ từ ngày 20/3 – 30/3/2022): chủ yếu đối với vùng sản xuất 3 vụ/năm, bao gồm: phần lớn diện tích huyện Giồng Riềng; một phần diện tích của các huyện Tân Hiệp, Châu Thành và Tp. Rạch Giá.

- Đợt 2 (gieo sạ từ ngày 15/4 – 25/4/2022): phần lớn diện tích huyện Tân Hiệp, Châu Thành, phía Bắc đường Quốc lộ 80 của huyện Hòn Đất; một phần diện tích của huyện Gò Quao, Giồng Riềng, Giang Thành và Tp. Rạch Giá.

- Đợt 3 (gieo sạ từ ngày 15/5 – 25/5/2022): bao gồm phía Nam đường Quốc lộ 80 của huyện Hòn Đất, Kiên Lương; một phần diện tích của huyện Gò Quao, Châu Thành và Giang Thành.

- Đợt 4 (gieo sạ từ ngày 01/6 – 20/6/2022): bao gồm các huyện vùng U Minh Thượng; một số tiểu vùng ven sông Cái Lớn, Cái Bé thuộc huyện Gò Quao và Châu Thành.

*** Về cơ cấu giống:**

- Vùng Tây sông Hậu (gồm các huyện: Tân Hiệp, Châu Thành, Tp. Rạch Giá, một phần của huyện Gò Quao): khuyến cáo sử dụng các giống lúa chất lượng tốt như: OM18, OM5451, OM380, Đài thơm 8, OM7347, OM6976.

- Vùng Tứ Giác Long Xuyên (huyện Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành):

✓ Vùng sản xuất 3 vụ lúa/năm hoặc canh tác 2 vụ lúa – 1 vụ màu, vùng gần biển có đề bao không hoàn chỉnh, có thể bị mặn xâm nhập sớm vào cuối vụ: OM18, OM5451, Đài thơm 8, OM4900.

✓ Vùng sản xuất 2 vụ lúa/năm, vùng có đề bao bảo đảm ngăn mặn cuối vụ: OM4900, OM6976, Đài thơm 8, ST24, ST25; nhóm lúa Nhật (DDS1), nhóm giống lúa nếp (IR4625).

- Vùng U Minh Thượng (gồm các huyện: An Biên, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, một phần Gò Quao: Vĩnh Tuy, Thụy Liểu): khuyến cáo sử dụng các giống lúa như: OM5451, OM6976, OM7347, OM18, Đài thơm 8, ST24, ST25 [3].

Lịch thời vụ thả giống tôm nước lợ năm 2022: Đối với vùng Tứ Giác Long Xuyên (các huyện Kiên Lương, Giang Thành và Tp. Hà Tiên thả giống tôm sú từ tháng 3 đến tháng 4/2022, thu hoạch dứt điểm tháng 8/2022. Riêng huyện Hòn Đất thả giống tôm sú từ tháng 4 đến tháng 5/2022, thu hoạch dứt điểm trong tháng 8/2022 [4].

2. Dự báo tình hình ô nhiễm môi trường cho các vị trí quan trắc từ ngày 16-22/05/2022

Thời gian dự báo cho kỳ 13 là từ ngày 16 - 22/05/2022. Kết quả dự báo các chỉ

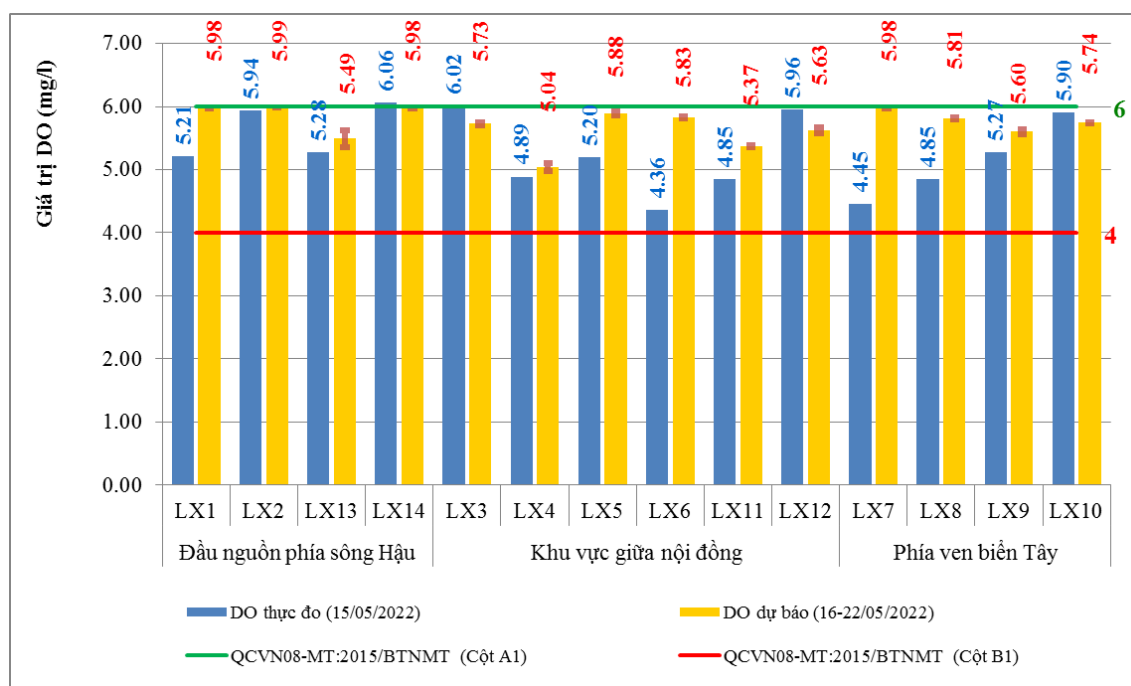
số chính bao gồm: DO, BOD₅, NH₄⁺ và độ mặn.

2.1 Dự báo oxy hòa tan (DO)

Nồng độ DO dự báo trong HTTL TGLX từ ngày 16 – 22/05/2022 có giá trị từ 4,94 – 6,00 mg/l. Giá trị DO trung bình các ngày dự báo có tăng so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022 tại 10/14 vị trí quan trắc. Trong đó, DO trung bình dự báo ở tất cả các vị trí đều đạt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT (bảng 3 và hình 16). Với giá trị DO dự báo cho thấy nguồn nước trong HTTL TGLX vẫn đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ cho tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

Bảng 3. Kết quả dự báo DO trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 16 – 22/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 15/05/2022	Ngày dự báo							
			16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	Trung bình
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5.21	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98 ± 0.00
	LX2	5.94	6.00	5.99	5.99	5.99	5.99	5.99	5.98	5.99 ± 0.00
	LX13	5.28	5.27	5.36	5.45	5.52	5.58	5.62	5.64	5.49 ± 0.14
	LX14	6.06	5.99	5.98	5.97	5.98	6.00	5.99	5.98	5.98 ± 0.01
Khu vực giữa nội đồng	LX3	6.02	5.77	5.74	5.71	5.72	5.72	5.72	5.71	5.73 ± 0.02
	LX4	4.89	4.99	5.05	5.09	5.10	5.08	5.03	4.94	5.04 ± 0.06
	LX5	5.20	5.83	5.86	5.88	5.89	5.91	5.92	5.90	5.88 ± 0.03
	LX6	4.36	5.83	5.84	5.84	5.84	5.83	5.82	5.81	5.83 ± 0.01
	LX11	4.85	5.39	5.36	5.37	5.38	5.36	5.35	5.35	5.37 ± 0.01
	LX12	5.96	5.57	5.58	5.61	5.62	5.64	5.68	5.70	5.63 ± 0.05
Phía ven biển Tây	LX7	4.45	5.96	5.97	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98	5.98 ± 0.01
	LX8	4.85	5.78	5.80	5.81	5.82	5.83	5.83	5.83	5.81 ± 0.02
	LX9	5.27	5.68	5.64	5.60	5.58	5.57	5.58	5.58	5.60 ± 0.04
	LX10	5.90	5.74	5.74	5.74	5.74	5.75	5.75	5.74	5.74 ± 0.00



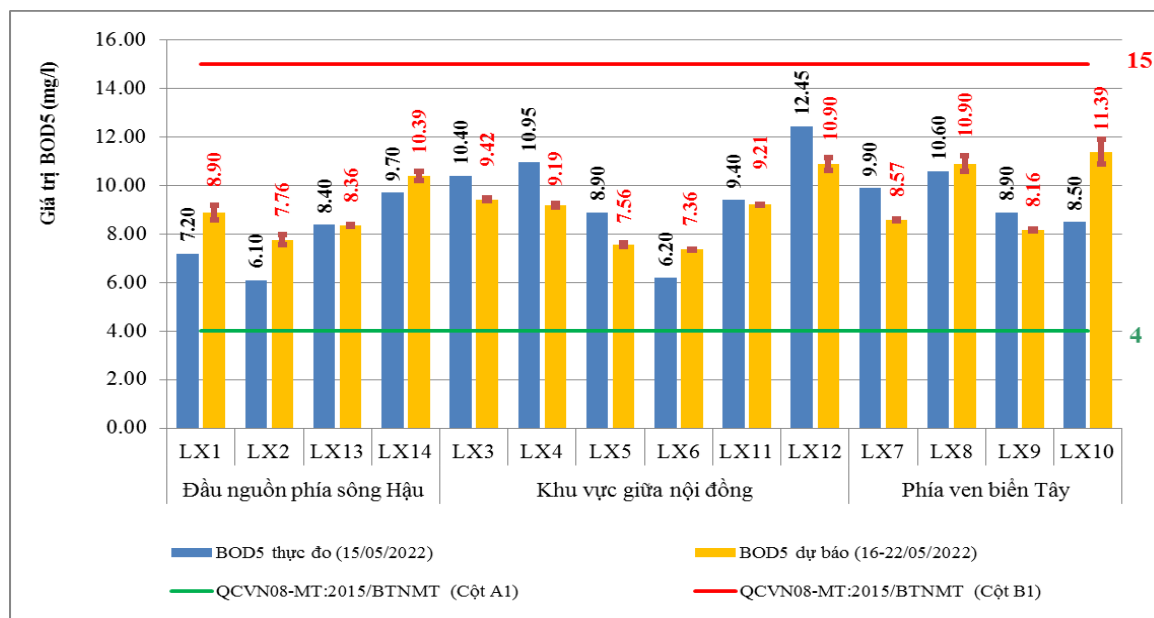
Hình 16. Biểu đồ giá trị DO dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022

2.2 Dự báo nhu cầu oxy hóa sinh học (BOD₅)

Nồng độ BOD₅ dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022 dao động từ 7,33 – 12,00 mg/l. Giá trị BOD₅ dự báo đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08 (bảng 4 và hình 17). Nhìn chung, với giá trị dự báo này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

Bảng 4. Kết quả dự báo BOD₅ trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 16 – 22/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 15/05/2022	Ngày dự báo							
			16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	Trung bình
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	7.20	8.42	8.63	8.82	8.93	9.04	9.17	9.28	8.90 ± 0.30
	LX2	6.10	7.89	7.97	7.97	7.85	7.60	7.51	7.52	7.76 ± 0.21
	LX13	8.40	8.30	8.33	8.33	8.35	8.37	8.40	8.43	8.36 ± 0.05
	LX14	9.70	10.11	10.21	10.32	10.42	10.61	10.60	10.45	10.39 ± 0.19
Khu vực giữa nội đồng	LX3	10.40	9.54	9.41	9.35	9.37	9.39	9.43	9.49	9.42 ± 0.07
	LX4	10.95	9.06	9.08	9.16	9.22	9.25	9.27	9.27	9.19 ± 0.09
	LX5	8.90	7.46	7.49	7.52	7.56	7.61	7.64	7.63	7.56 ± 0.07
	LX6	6.20	7.33	7.36	7.39	7.40	7.37	7.35	7.35	7.36 ± 0.02
	LX11	9.40	9.20	9.22	9.25	9.23	9.19	9.18	9.18	9.21 ± 0.03
	LX12	12.45	11.37	11.11	10.97	10.85	10.72	10.63	10.65	10.9 ± 0.27
Phía ven biển Tây	LX7	9.90	8.60	8.54	8.55	8.61	8.63	8.58	8.51	8.57 ± 0.04
	LX8	10.60	11.43	11.18	10.99	10.86	10.72	10.59	10.53	10.9 ± 0.33
	LX9	8.90	8.14	8.18	8.17	8.18	8.19	8.16	8.12	8.16 ± 0.03
	LX10	8.50	10.62	10.91	11.18	11.44	11.70	11.90	12.00	11.39 ± 0.52



Hình 17. Biểu đồ giá trị BOD₅ dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022

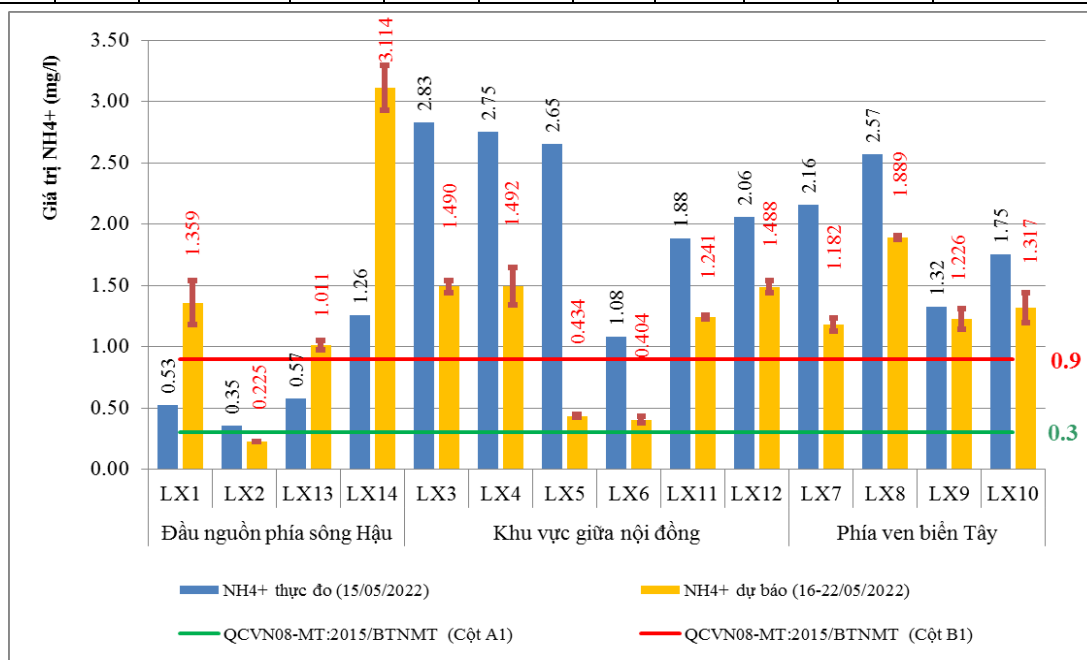
2.3 Dự báo Amoni (NH₄⁺)

Kết quả dự báo hàm lượng NH₄⁺ từ ngày 16 – 22/05/2022 trong khoảng từ 0,23 – 3,35 mg/l. Giá trị NH₄⁺ dự báo có xu hướng tăng ở các vị trí quan trắc khu vực đầu nguồn sông Hậu, tuy nhiên lại giảm ở khu vực giữa nội đồng và ven biển Tây so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022 (bảng 5 và hình 18).

Giá trị NH_4^+ dự báo tại hầu hết các vị trí (13/14 vị trí) đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 và có nhiều vị trí còn vượt ngưỡng cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị dự báo này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi. Riêng vị trí LX10 là khu vực nuôi thủy sản, giá trị NH_4^+ tăng vượt giới hạn cho phép của cột B1 nên bà con cần lưu ý hạn chế bơm nước vào ruộng tôm.

Bảng 5. Kết quả dự báo NH_4^+ trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 16 – 22/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 15/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0.53	1.10	1.15	1.28	1.43	1.53	1.55	1.47	1.36 ± 0.18
	LX2	0.35	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23 ± 0.00
	LX13	0.57	0.96	0.98	0.99	1.00	1.02	1.05	1.08	1.01 ± 0.04
	LX14	1.26	2.83	2.94	3.06	3.15	3.27	3.35	3.21	3.11 ± 0.18
Khu vực giữa nội đồng	LX3	2.83	1.45	1.42	1.46	1.49	1.52	1.54	1.56	1.49 ± 0.05
	LX4	2.75	1.20	1.39	1.49	1.52	1.56	1.64	1.63	1.49 ± 0.15
	LX5	2.65	0.45	0.43	0.43	0.43	0.44	0.44	0.43	0.43 ± 0.01
	LX6	1.08	0.37	0.37	0.39	0.41	0.43	0.43	0.42	0.4 ± 0.03
	LX11	1.88	1.27	1.25	1.24	1.23	1.23	1.23	1.24	1.24 ± 0.01
	LX12	2.06	1.45	1.43	1.45	1.47	1.51	1.53	1.57	1.49 ± 0.05
Phía ven biển Tây	LX7	2.16	1.28	1.22	1.19	1.17	1.15	1.14	1.13	1.18 ± 0.05
	LX8	2.57	1.90	1.91	1.89	1.89	1.89	1.88	1.87	1.89 ± 0.01
	LX9	1.32	1.11	1.15	1.17	1.22	1.28	1.32	1.33	1.23 ± 0.09
	LX10	1.75	1.14	1.19	1.26	1.35	1.42	1.44	1.42	1.32 ± 0.12



Hình 18. Biểu đồ giá trị NH_4^+ dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022

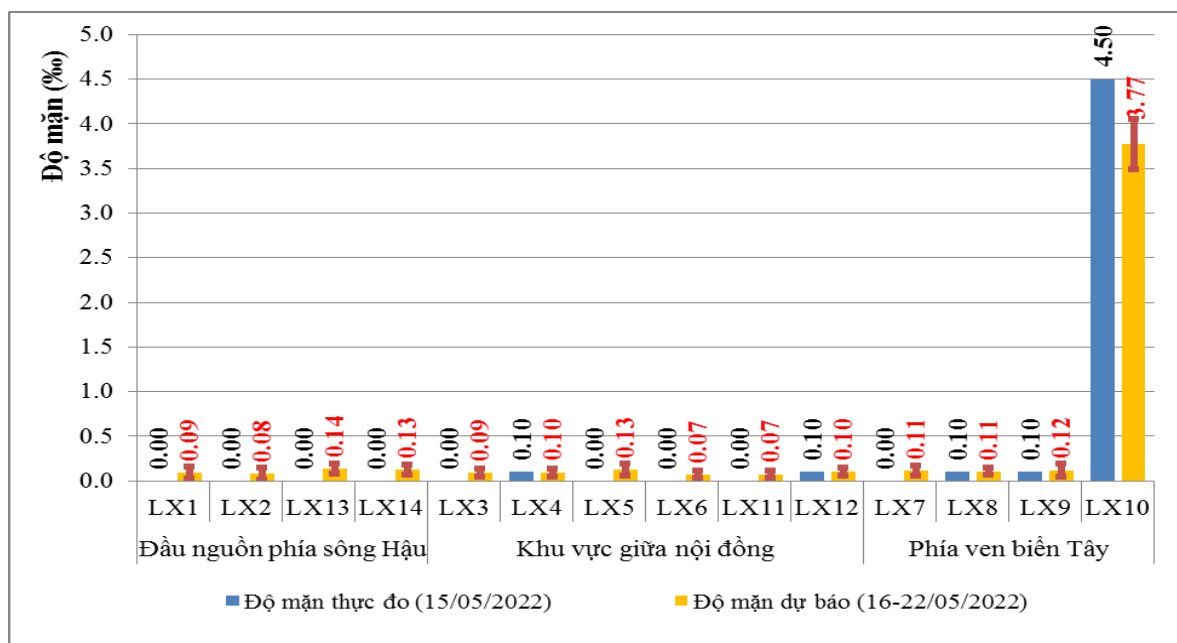
2.4 Dự báo độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022 dao động từ 0,00 – 4,04‰. Nhìn chung, độ mặn được dự báo ở phần lớn vị trí quan trắc ít có sự biến động lớn so với giá trị thực đo ngày 15/05/2022, riêng vị trí LX10 độ mặn dự báo giảm nhẹ so với giá trị thực đo (bảng 6 và hình 19).

Kết quả dự báo độ mặn cho thấy: Nguồn nước khu vực canh tác lúa của người dân không bị nhiễm mặn, đáp ứng tốt nhu cầu canh tác lúa và hoa màu. Riêng vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) độ mặn dự báo giảm xuống thấp, xuống dưới cả mức đề nuôi tôm nước lợ theo dự thảo lần 4 TCVN về nước nuôi trồng thủy sản là từ 7 - 25‰. Vì vậy bà con nuôi tôm tại khu vực này cần lưu ý kiểm tra độ mặn trước khi bơm vào ao nuôi để tránh việc lấy nước có độ mặn thấp ảnh hưởng tới con tôm.

Bảng 6. Kết quả dự báo Độ mặn trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 16 – 22/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 15/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0.00	0.15	0.02	0.11	0.00	0.13	0.18	0.05	0.09 ± 0.07
	LX2	0.00	0.18	0.16	0.05	0.06	0.08	0.02	0.02	0.08 ± 0.06
	LX13	0.00	0.09	0.03	0.19	0.15	0.12	0.18	0.18	0.14 ± 0.06
	LX14	0.00	0.15	0.05	0.11	0.05	0.20	0.15	0.18	0.13 ± 0.06
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0.00	0.11	0.11	0.12	0.15	0.03	0.10	0.02	0.09 ± 0.05
	LX4	0.10	0.14	0.07	0.11	0.05	0.08	0.17	0.05	0.1 ± 0.05
	LX5	0.00	0.03	0.14	0.20	0.19	0.17	0.02	0.13	0.13 ± 0.07
	LX6	0.00	0.11	0.06	0.08	0.04	0.01	0.07	0.13	0.07 ± 0.04
	LX11	0.00	0.07	0.11	0.12	0.04	0.02	0.05	0.11	0.07 ± 0.04
	LX12	0.10	0.05	0.08	0.11	0.20	0.08	0.11	0.11	0.1 ± 0.05
Phía ven biển Tây	LX7	0.00	0.15	0.15	0.08	0.05	0.14	0.18	0.05	0.11 ± 0.05
	LX8	0.10	0.05	0.10	0.15	0.13	0.06	0.15	0.10	0.11 ± 0.04
	LX9	0.10	0.16	0.05	0.19	0.06	0.17	0.03	0.17	0.12 ± 0.07
	LX10	4.50	3.28	3.54	3.72	3.82	3.97	4.04	4.02	3.77 ± 0.28



Hình 19. Biểu đồ giá trị độ mặn dự báo từ ngày 16 – 22/05/2022

III. Kết luận và kiến nghị

Kết quả quan trắc các chỉ tiêu môi trường nước trong HTTL Tứ Giác Long

Xuân ngày 15/05/2022 cho thấy:

Về chỉ tiêu độ mặn, tất cả các vị trí quan trắc nằm trong vùng sản xuất lúa đều không bị nhiễm mặn, vẫn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu canh tác lúa và hoa màu. Riêng vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn thấp dưới mức nuôi tôm nước lợ nên bà con nuôi tôm tại đây này cần lưu ý kiểm tra độ mặn trước khi bơm vào ao nuôi để tránh việc lấy nước có độ mặn thấp ảnh hưởng tới con tôm.

Tại điểm LX9 và LX12 có pH giảm xuống rất thấp (3,81 và 3,76), vì vậy khuyến cáo bà con tại vị trí giao giữa kênh T5 và kênh Rạch Giá – Hà Tiên (điểm LX9 – thuộc khu vực xã Bình Giang, huyện Hòn Đất) và vị trí giao giữa kênh Tám Ngàn với kênh ranh An Giang – Kiên Giang (điểm LX12 – thuộc khu vực xã Bình Sơn, Hòn Đất) không nên bơm nguồn nước này vào ruộng lúa để tránh làm ảnh hưởng đến lúa mới xạ.

Nồng độ các chất gây ô nhiễm hữu cơ (DO, BOD₅ và COD) và các muối dinh dưỡng (NO₂⁻, NO₃⁻, PO₄³⁻) nhìn chung vẫn nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 là nguồn nước đảm bảo phục vụ cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu. Riêng vị trí LX10 (là khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) hàm lượng amoni đang ở mức cao vượt ngưỡng cột B1 nên người dân cần lưu ý theo dõi và hạn chế lấy nước vào ao nuôi, tránh trường hợp nồng độ amoni cao có thể gây ảnh hưởng đến tôm.

Dự báo trong tuần từ 16-22/5:

Kết quả dự báo cho thấy trong tuần từ 16 - 22/05/2022, độ mặn dự báo ít có sự biến động và vẫn trong giới hạn cho phép để phục vụ tốt hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân. Giá trị DO dự báo ở tất cả các vị trí đều đạt cột B1; giá trị BOD₅ dự báo tại nhiều vị trí quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1; giá trị NH₄⁺ dự báo tại hầu hết các vị trí đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1, những nhiều điểm vẫn nằm trong giới hạn cột B1. Với 4 chỉ tiêu dự báo này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc sản xuất tưới tiêu, thủy lợi. Riêng khu vực nuôi tôm tại vị trí LX10 thuộc phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên có giá trị độ mặn dự báo ở mức thấp hơn mức phù hợp với nuôi tôm nước lợ (<7‰) và giá trị NH₄⁺ dự báo vượt giới hạn cho phép của cột B1 nên bà con cần lưu ý kiểm tra kỹ nguồn nước trước khi bơm vào ruộng tôm.

IV. Nguồn tài liệu tham khảo

- [1]. Bảng tin dự báo thủy văn ngắn hạn số 136/DBQG_TV_1030 ngày 16/05/2022 của trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia - Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
- [2]. <https://baoangiang.com.vn/>
- [3]. Thông báo số 335/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 17/3/2022 của Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn lịch gieo sạ vụ lúa Hè Thu 2022.
- [4]. Thông báo số 268/TB-SNNPTNT ngày 17/12/2021 của Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang về lịch thời vụ thả giống tôm nước lợ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

PHỤ LỤC 1

Bảng vị trí các trạm và thông tin tại thời điểm quan trắc trong vùng dự án Tứ Giác Long Xuyên

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
1	LX1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu.	105°28'41.14"E 10°18'41.33"N	Trời nắng. Nước lớn chảy từ sông Hậu vào kênh Cái Sắn. Nước đục vàng, không mùi, có ít lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư đông đúc. Giao thông thủy tấp nập.	Đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 20 ngày. có nơi đang chuẩn bị gieo.	
2	LX2	Đầu kênh Vĩnh Tế từ sông Hậu vào	105°6'3.75"E 10°42'38.85"N	Trời nắng to, gió nhẹ. Nước ròng, đang chảy từ kênh Vĩnh Tế ra sông Hậu. Nước vàng đục, không mùi, nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư tập trung dọc hai bên bờ kênh. Giao thông thủy tấp nập.	Khu vực này có nơi đã xuống giống vụ Hè Thu.	
3	LX3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới	105° 8'1.29"E 10°15'57.31"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước lớn, nước chảy vào nội đồng. Nước màu vàng đục, không mùi. Nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư trung bình, gần đó có chợ. Mật độ giao thông thủy ở mức thường xuyên. Ba hôm trước có mưa lớn.	Lúa đã xạ vụ Hè Thu khoảng 20 ngày.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
4	LX4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung	105° 3'25.96"E 10°26'17.91"N	Trời nắng. Nước ròng. Nước màu vàng đục, không mùi. Có nhiều lục bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình.	Đã xuống giống vụ Hè Thu được khoảng 1 tháng.	
5	LX5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5	104°52'16.00"E 10°30'31.22"N	Trời nắng to, gió vừa. Nước lớn. Nước màu vàng đục, không mùi. Có nhiều lục bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy trung bình.	Có chỗ lúa sắp chín, có chỗ lúa mới xuống giống được tầm nửa tháng.	
6	LX6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang	104°38'40.77"E 10°31'31.02"N	Trời nắng to. Nước lớn và đang chảy vào nội đồng. Nước màu nâu đục, không mùi. Có khá nhiều lục bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy trung bình. Cống Hà Giang mở.	Lúa đã xạ được tầm 20 ngày đến 1 tháng.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
7	LX7	Tp. Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên	105°5'32.33"E 10°1'5.15"N	Trời nắng. Nước ròng, đang chảy ra biển. Nước màu đục vàng, không mùi. Có nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên vì ngay bên phà và chợ.	Lúa đã xuống giống được tầm nửa tháng	
8	LX8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	104°55'31.97"E 10°11'21.77"N	Trời nắng. Nước ròng, nước chảy hướng ra biển. Nước màu vàng đục, không mùi. Có ít bèo lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc.	Đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 1 tuần - 20 ngày.	
9	LX9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	104°44'29.80"E 10°17'5.24"N	Trời nắng. Nước ròng, nước chảy hướng ra biển. Nước màu hơi vàng, không mùi. Có ít lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy thường xuyên. Những ngày gần đây có mưa khá lớn.	Lúa mới xạ lại tầm 1 tuần đến nửa tháng	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
10	LX10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên. (Cầu Hà Giang)	104°31'19.46"E 10°22'6.37"N	Trời nắng to, gió vừa. Nước lớn chảy hướng vào nội đồng. Nước màu vàng đục, không mùi. Có một ít lục bình theo dòng nước trôi vào. Khu vực này dân cư trung bình. Xung quanh có nhiều hộ dân nuôi tôm thâm canh và quảng canh. Gần điểm thu mẫu có bãi cát đá, vật liệu xây dựng. Mật độ giao thông thủy trung bình. Cổng Hà Giang mở	Tôm đang nuôi.	
11	LX11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên	105°15'40.55"E 10°15'35.66"N	Trời nắng. Nước lớn, nước chảy ra hướng vào nội đồng. Nước vàng đục, không mùi. Có ít lục bình trên kênh. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Đã xả lại được tầm 15 - 20 ngày.	
12	LX12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang	104°51'52.26"E 10°21'20.56"N	Trời nắng. Nước lớn, nước chảy hướng vào nội đồng. Nước vàng đục, không mùi. Lục bình rải rác trên kênh. Xung quanh dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Khu vực này đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng nửa tháng đến hơn 1 tháng.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
13	LX13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào	105°24'42.59"E 10°22'17.38"N	Trời nắng to. Nước lớn, nước chảy vào nội đồng. Nước màu hơi vàng, không mùi. Khá nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên. Trời mấy hôm trước có mưa nhiều	Lúa đã xạ lại được tầm nửa tháng	
14	LX14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu	105°12'34.21"E 10°37'5.00"N	Trời nắng to, gió vừa. Nước ròng, nước chảy từ kênh Vĩnh Tre ra sông Hậu. Nước màu vàng đục, không mùi. Có lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy trung bình.	Lúa đã xạ lại được gần 1 tháng.	